

Số: /BC-UBND

Thuận Nam, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2025

Thực hiện Công văn số 872/UBND-VXNV ngày 04/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ;

Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2025, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 284/KH-UBND ngày 07/12/2023 về cải cách hành chính năm 2024. Tập trung vào 06 nội dung trọng tâm của lĩnh vực cải cách hành chính; trong đó phân công cụ thể nhiệm vụ đối với từng cơ quan, đơn vị và tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ. Đến thời điểm hiện tại, Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện được 29/31 nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch số 284/KH-UBND ngày 07/12/2023.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Nhằm triển khai có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 trên địa bàn huyện, UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai công tác CCHC trên tất cả các lĩnh vực. Trong năm, các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được giao đã chủ động xây dựng, tham mưu cho UBND huyện ban hành các văn bản triển khai nhằm đảm bảo thực hiện đúng Kế hoạch đã đề ra¹; đồng thời tham mưu, ban hành các văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện, cụ thể hóa các nhiệm vụ công tác CCHC trên địa bàn huyện.

¹ Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2024 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 05/4/2024 về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 09/01/2024 về phát động phong trào thi đua cải cách hành chính; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 06/01/2024 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 10/01/2024 tuyên truyền cải cách hành chính; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 19/01/2024 về triển khai các giải pháp đột phá Cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính gắn với nâng cao chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh huyện; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 30/01/2024 về triển khai các giải pháp thực hiện chuyển đổi số, trọng tâm là nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 23/02/2024 về kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính; Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 28/02/2024 công tác theo dõi thi hành pháp luật; Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 28/02/2024 về kiểm tra công tác cải cách hành chính; Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 04/3/2024 về khảo sát sự hài lòng của tổ chức, cá nhân năm 2024; Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 18/3/2024 về xây dựng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước và Ủy ban nhân dân các xã; Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 08/8/2024 về Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện (PCI) năm 2024

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện tập trung, nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị về kết quả triển khai, tổ chức thực hiện cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị mình; nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai, thực hiện.

UBND huyện thực hiện gắn kết quả cải cách hành chính với việc đánh giá, xếp loại đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức có liên quan đến kết quả cải cách hành chính; lấy kết quả công tác CCHC là tiêu chuẩn, tiêu chí quan trọng xét thi đua, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân.

3. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Công tác tuyên truyền cải cách hành chính được UBND huyện quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 10/01/2024 tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024 trên địa bàn huyện. Chỉ đạo Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thanh huyện tiếp tục thực hiện chuyên mục “Cải cách hành chính và chuyển đổi số” phát trên hệ thống truyền thanh của huyện. Tổng thời lượng đã tuyên truyền: 05 Chương trình; 07 phút/01 chương trình; Phát lặp lại 4 lần / 01 Chương trình. Tổng thời gian đã phát sóng 140 phút. Kiện toàn Tổ Biên tập và ban hành quy chế hoạt động Trang Fanpage (Thuận Nam 24h) và Trang Zalo OA "Chính quyền điện tử huyện Thuận Nam"; Thường xuyên cập nhật các văn bản liên quan đến đến doanh nghiệp, các chính sách hỗ trợ với cộng đồng doanh nghiệp; đăng tải các thông tin tiện ích về quy trình giải quyết thủ tục hành chính, sản phẩm OCOP, quảng bá du lịch của địa phương, các sự kiện chính trị của huyện để người dân và doanh nghiệp tiếp cận thông tin được dễ dàng và hiệu quả trên các Trang Thông tin điện tử huyện, Trang Fanpage “*ThuanNam 24h*”, Zalo OA của huyện. Năm 2024 Trang Facebook Thuận Nam 24h và Trang Zalo Chính Quyền điện tử Thuận Nam, đã thực hiện được gần 500 tin, bài, clip về các sự kiện chính trị kinh tế - xã hội, văn hóa - thể thao và du lịch trên địa bàn huyện, đã thu hút hơn 2.500 lượt tương tác trên các trang.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về sử dụng các tiện ích trên cổng dịch vụ công quốc gia, trên cổng thông tin điện tử huyện, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân tra cứu thực hiện các thủ tục hành chính. Tuyên truyền, vận động công dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính TTHC, dịch vụ bưu chính công ích.

4. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

Để tiếp tục chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 23/02/2024 về kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính và giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn huyện. Kiện toàn Tổ kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương hành chính (*Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 04/9/2024*) với 08 thành viên.

Chỉ đạo Tổ kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính tiếp tục theo dõi tình hình thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện, xã. Tăng cường công tác kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính, kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ các cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Trong năm 2024, Tổ kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính huyện đã tổ chức 05 cuộc kiểm tra giờ giấc tại Công ra vào huyện và 03 cuộc kiểm tra tại Ủy ban nhân dân các xã. Qua kiểm tra, đa số cán bộ, công chức chấp hành tốt.

Thực hiện Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 23/02/2024, UBND huyện ban hành Thông báo số 26/TB-UBND ngày 01/4/2024 về việc kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính và việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân các xã, lồng ghép việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi trực tiếp từ người dân trong việc giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa cấp xã; qua kết quả kiểm tra theo Báo số 418/BC-PNV ngày 17/5/2024 của Phòng Nội vụ; Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Công văn số 1802/UBND-TH ngày 24/5/2024 chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính và việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân các xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), nâng cao chất lượng xây dựng các văn bản QPPL, ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2024 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, đồng thời, thực hiện công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Tổ chức Đoàn kiểm tra việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực thuộc quản lý của 07 đơn vị, địa phương. Tổ chức triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ, hiệu quả các quy định của pháp luật về theo dõi thi hành pháp luật. Trong năm, Ủy ban nhân dân huyện ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2024 về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 10/01/2024 về triển khai công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 28/2/2024 về kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm cần theo dõi trong năm 2024.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 06/01/2024 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, chỉ đạo rà soát, đánh giá các nhóm thủ tục hành chính về cơ sở pháp lý, điều kiện yêu cầu, phí, lệ phí, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết đều đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành. Thực hiện niêm yết công khai tại Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện và đăng tải trên Trang Thông tin

điện tử huyện là 329 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

Triển khai kịp thời đến các Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC trên hệ thống dịch vụ công mới của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.ninhthuan.gov.vn> bắt đầu từ ngày 13/5/2024 theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc quản lý về việc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh; đồng thời, đề ra các giải pháp đẩy mạnh việc nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến. Tổ chức ứng dụng, thực hiện có hiệu quả việc cung cấp DVCTT toàn trình và một phần theo Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Củng cố nâng cao chất lượng hiệu quả cơ chế Một cửa tại UBND huyện và 08 xã đảm bảo bảo sự hài lòng của tổ chức và cá nhân sử dụng dịch vụ. Duy trì việc triển khai tiếp nhận và giải quyết hồ sơ qua phần mềm dịch vụ công trực tuyến. Kết quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, xã năm 2024, như sau ².

Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích được quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng chính phủ; đồng thời, đăng tải thông tin về việc nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên Trang thông tin điện tử huyện.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đến nay, UBND huyện đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của 11/11 phòng chuyên môn thuộc huyện; đã góp phần khắc phục tình trạng chùng chèo, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Hoàn thành việc phê duyệt và trình phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020, Nghị

²- Bộ phận một cửa cấp huyện tiếp nhận 1.663 hồ sơ, trong đó đã giải quyết 1.228 hồ sơ, đạt 74% (giải quyết trước hạn 1.144 hồ sơ, đúng hạn 60 hồ sơ, quá hạn 24 hồ sơ), đang giải quyết đúng hạn 435 hồ sơ.

- Bộ phận một cửa cấp xã tiếp nhận 3.167 hồ sơ, trong đó đã giải quyết 3.142 hồ sơ, đạt 99,21% (giải quyết trước hạn 2.539 hồ sơ, đúng hạn 583 hồ sơ, quá hạn 20 hồ sơ chiếm 0,63%), đang giải quyết 25 hồ sơ (đúng hạn 18 hồ sơ, quá hạn 7 hồ sơ).

định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Ủy ban nhân dân huyện ban hành các Quyết định: (1) Giao chỉ tiêu biên chế công chức hành chính đối với các cơ quan hành chính thuộc huyện; (2) Giao biên chế sự hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc huyện; (3) Giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã; (4) Giao số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện có 11 phòng chuyên môn (biên chế được giao 77, biên chế có mặt 67); 04 đơn vị sự nghiệp, 02 tổ chức hội với 135 biên chế; 26 đơn vị trường học với 733 biên chế.

4. Cải cách chế độ công vụ

Phân bổ chỉ tiêu đào tạo cho các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã tại Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 04/3/2024;

Tiếp tục triển khai đánh giá cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 81/2023/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND tỉnh về ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Ninh Thuận;

Từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân huyện thực hiện tiếp nhận vào công chức 03 trường hợp; bổ nhiệm đối với 122 trường hợp; điều động 14 trường hợp. Nâng lương thường xuyên 51 trường hợp; nâng lương trước thời hạn 08 trường hợp; nâng phụ cấp thâm niên vượt khung 08 trường hợp; nâng phụ cấp thâm niên nghề: 22 trường hợp; điều chỉnh xếp lương: 12 trường hợp; chuyển xếp lương: 02 trường hợp. Phê duyệt danh sách, mức phụ cấp hàng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn thuộc huyện. Hoàn thành việc tuyển dụng đối công chức cấp xã năm 2024; kết quả tuyển dụng được 10 biên chế cấp xã.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế. Trong năm, đã đề nghị thực hiện tinh giản biên chế đối với 01 trường hợp.

5. Về cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các cơ chế tài chính; trong đó có cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP. - Tiếp tục thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; tự chủ về tổ chức bộ máy và tự chủ về nhân sự; đẩy mạnh xã hội hóa.

Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch về tài chính, tài sản; tất cả các cơ quan, đơn vị đều xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, thường xuyên rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với chỉ tiêu đúng quy định của Nhà nước; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 30/01/2024 của UBND huyện về việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số, trọng tâm là nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn huyện năm 2024; việc thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn huyện, hầu hết phòng, ban chuyên môn và UBND các xã đã thực hiện đồng bộ giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng.

Tiếp tục duy trì tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; khai thác, sử dụng hiệu quả các phần mềm ứng dụng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan nhà nước đã từng bước cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, góp phần phục vụ các tổ chức, cá nhân ngày càng tốt hơn.

100% các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và UBND 08 xã trực thuộc đều sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ vào quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư trên phần mềm TDOffice. 100% văn bản đi, đến của huyện, xã đều được số hóa và trao đổi trên môi trường mạng (*trừ văn bản mật*) trên hệ thống phần mềm TD-Office. Trong năm, Ủy ban nhân dân huyện đã số hóa 13.810 văn bản đến và 5.717 văn bản đi; việc gửi, nhận văn bản trên môi trường mạng giúp tiết kiệm tối đa chi phí văn phòng, đồng thời thuận tiện cho công tác quản lý, điều hành.

Có 08/08 xã có văn bản đăng ký sản phẩm chuyển đổi số năm 2024; có Xã Phước Minh: “*Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đối với các hộ kinh doanh*”, trên địa bàn xã có 62/133 hộ kinh doanh, buôn bán tạp hóa đã thực hiện dùng mã quét QR để thực hiện thanh toán khi mua bán, giao dịch, còn 71 trường hợp còn lại, Ủy ban nhân dân xã phân loại các nhóm ngân hàng do chủ hộ kinh doanh đang sử dụng hoặc cần hỗ trợ mở tài khoản; liên hệ và phối hợp với cán bộ ngân hàng đến từng hộ tạo mã QR để các hộ thanh toán tiền qua tài khoản, giảm thiểu tỷ lệ dùng tiền mặt.

Trang Thông tin điện tử huyện hoạt động hiệu quả, đăng tải hơn 183 tin, bài viết liên quan đến các lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, thủ tục hành chính... cho người dân tra cứu.

Tiếp tục thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn huyện; thực hiện đánh giá nội bộ; Ban hành mục tiêu chất lượng, chính sách chất lượng; Quyết định công bố lại HTQLCL ISO 9001:2015.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025

1. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao về cải cách hành chính theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày

06/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về cải cách hành chính huyện Thuận Nam, giai đoạn 2021 – 2025;

2. Triển khai và thực hiện Chỉ thị số 56-CT/TU ngày 29/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 07/9/2020 của UBND tỉnh về tăng cường thực hiện nghiêm minh kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 về ban hành Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

3. Tập trung thực hiện cải cách TTHC gắn với việc thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, trong đó cần tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện số hóa các giấy tờ, TTHC, ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu đất đai, hộ tịch, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến... trong quản lý và giải quyết TTHC, từ đó sẽ góp phần giảm giấy tờ hành chính, chi phí thời gian, chi phí không chính thức của người dân, doanh nghiệp

4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân. Thực hiện tốt quy hoạch chiến lược công tác cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục những yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ.

5. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước cấp huyện, xã; duy trì và nâng cao hiệu quả của phần mềm TD-Office, thư điện tử công vụ, phần mềm theo dõi ý kiến chỉ đạo điều hành... Tiếp tục triển khai thực hiện, duy trì và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c);
- TT: Huyện ủy, HĐND huyện (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trương Xuân Vỹ

PHỤ LỤC
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024

(Ban hành theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2024 của UBND huyện)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC		284, ngày 07/12/2023	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	31	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	29	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản		
1.2.	Kiểm tra CCHC		66, ngày 28/2/2024	
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức		74, ngày 04/3/2024	
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	01	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục		
Tron g đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	329	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	112	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	329	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục		
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục		
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
Tron g đó	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp</i>	Cơ quan, đơn vị	30	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>huyện</i>			
	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	77	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	67	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	862	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	01	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	30	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	10	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyên thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	02	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	05	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	08	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	01	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)			
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	02	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	28	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số		100%	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Tron g đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100%	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100%	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Tron g đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100%	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100%	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC		
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	329	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%		
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%		